



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0709281-HN/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn Thông Sài Gòn và Công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Công ty con, dưới đây gọi là Tập đoàn, từ trang 7 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm số liệu của các công ty con được nêu tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục V.8.1, do các công ty này mới thành lập và đang trong giai đoạn triển khai hoạt động.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

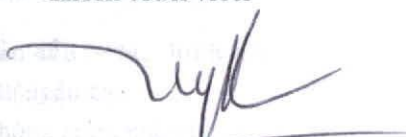
Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên


Phạm Thị Hồng Uyên

Chứng chỉ KTV số: 0794/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám Đốc




Phạm Văn Vinh

Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

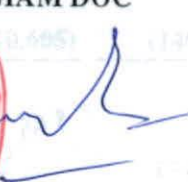
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Tập đoàn Năm 2009	Tập đoàn Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	382.293.107.505	1.084.205.384.924
2. Các khoản giảm trừ	02		-	222.808.042.300
3. Doanh thu thuần	10		382.293.107.505	861.397.342.624
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	296.865.724.805	791.611.355.652
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		85.427.382.700	69.785.986.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.114.154.347	21.797.941.382
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.056.608.633	8.842.453.401
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.643.292.418	1.173.605.615
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	33.789.636	171.506.465
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.594.618.902	7.799.225.388
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		85.856.519.876	74.770.743.100
11. Thu nhập khác	31	VI.7	943.916.833	7.439.298.743
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.649.176.837	7.315.005.574
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(705.260.004)	124.293.169
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	33		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		85.151.259.872	74.895.036.269
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.188.469.194	1.469.285.175
17. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51)	60		80.962.790.678	73.425.751.094
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.755.489	3.067.492
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		80.961.035.189	73.422.683.602
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.287	1.417

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 2 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG


LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA